

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 7 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dậu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Công Hòa;
2. Ông Đỗ Trí Thuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Hạnh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST – HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mã Thị M, sinh năm 1985. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1980. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Làng T, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai.

3. *Người tham gia tố tụng khác:*

Người phiên dịch tiếng tây: Bà Vương Thị N, cán bộ hưu trí.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn S, huyện S, Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mã Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa anh chị có nhiều bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, không còn ai quan tâm đến ai nữa. Do anh chị chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Bảo L, sinh ngày 18/6/2005 và Hoàng Phi H, sinh ngày 21/3/2008. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H và giao cháu L cho anh C nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hoàng Văn C: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Chinh đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, anh C tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Cháu Hoàng Bảo L và Hoàng Phi H đều có bản tự khai thể hiện nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình; Xử: Không công nhận chị Mã Thị M và anh Hoàng Văn C là vợ chồng; Giao cháu Hoàng Bảo L, sinh ngày 18/6/2005 cho anh Hoàng Văn C và giao cháu Hoàng Phi H, sinh ngày 21/3/2008 cho cho chị Mã Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Mã Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 16/3/2021, nguyên đơn chị Mã Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Hoàng Văn C có nơi cư trú tại Làng T, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mã Thị M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Văn C vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Mã Thị M và anh Hoàng Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Lúc đó, anh chị đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đến chính quyền địa phương để làm thủ tục đăng ký kết hôn nên theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*”. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của chị Mã Thị M không công nhận chị Mã Thị M và anh Hoàng Văn C là vợ chồng.

[3]. Về con chung:

Anh chị có 02 con chung là Hoàng Bảo L, sinh ngày 18/6/2005 và Hoàng Phi H, sinh ngày 21/3/2008. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên quyền và nghĩa vụ của anh chị với con cái được giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Mặc dù các cháu Hoàng Bảo L và Hoàng Phi H đều có nguyện vọng được ở với anh C. Nhưng xét thấy với điều kiện hiện tại của anh C không thể chăm sóc đầy đủ cho hai cháu. Để đảm bảo quyền lợi của các cháu về mọi mặt, Hội đồng xét xử giao cháu Hùng cho chị M và giao cháu L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Mã Thị M là người phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên, chị Mã Thị M là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy, miễn toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Mã Thị M. Hoàn trả lại cho chị Mã Thị M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị M đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, **Điều 227**, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Mã Thị M và anh Hoàng Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Bảo L, sinh ngày 18/6/2005 cho anh Hoàng Văn C và giao cháu Hoàng Phi H, sinh ngày 21/3/2008 cho chị Mã Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Mã Thị M. Hoàn trả lại cho chị Mã Thị M 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0011264 ngày 30/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- UBND xã H, H. S, T. Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Dậu